

V/v phương thức vận hành Hệ thống  
điện Lâm Đồng (Cơ sở 3) tuần 12/2026  
(từ ngày 16/03/2026 đến ngày  
22/03/2026)

Kính gửi:

- Xí nghiệp Lưới điện Cao thế Lâm Đồng;
- Điện lực Đắk R'Lấp;
- Điện lực Tuy Đức;
- Điện lực Gia Nghĩa;
- Điện lực Đắk Song;
- Điện lực Đắk Mil;
- Điện lực Cư Jút;
- Điện lực Krông Nô.

Căn cứ Thông tư 06/2025/TT-BCT, ngày 01 tháng 02 năm 2025 của Bộ Công Thương quy định Quy trình Điều độ, vận hành, thao tác, xử lý sự cố, khởi động đen và khôi phục hệ thống điện Quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 05/2025/TT-BCT ngày 01 tháng 02 năm 2025 của Bộ Công Thương về việc Quy định hệ thống truyền tải điện, phân phối điện và đo đếm điện năng;

Công ty Điện lực Lâm Đồng thông báo phương thức vận hành tuần 12/2026 (từ ngày 16/03/2026 đến ngày 22/03/2026) với các nội dung sau:

## **I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN PHƯƠNG THỨC TUẦN 10/2026**

### **1. Tình hình phụ tải.**

#### **a. Công suất max:**

- Cao điểm: 130,2 (MW)
- Ban ngày: 130,0 (MW)
- Thấp điểm: 67,5 (MW)

#### **b. Sản lượng:**

<b>b1. Sản lượng phát:</b>	12.051,681 (Mwh); so với đăng ký đạt:	85,63%
- Thủy điện B1:	70,168 (Mwh); so với đăng ký đạt:	194,91%
- Thủy điện B2:	73,684 (Mwh); so với đăng ký đạt:	38,28%
- Thủy điện B3:	63,185 (Mwh); so với đăng ký đạt:	210,62%
- Thủy điện B4:	132,576 (Mwh); so với đăng ký đạt:	294,61%
- Thủy điện B5:	678,199 (Mwh); so với đăng ký đạt:	98,50%

- Thủy điện B6:	56,918 (Mwh);	so với đăng ký đạt:	29,57%
- Thủy điện B7:	33,375 (Mwh);	so với đăng ký đạt:	21,19%
- Thủy điện B8:	469,463 (Mwh);	so với đăng ký đạt:	80,53%
- Thủy điện B9:	18,782 (Mwh);	so với đăng ký đạt:	260,85%
- Thủy điện B10:	93,239 (Mwh);	so với đăng ký đạt:	42,29%
- Thủy điện B11:	160,777 (Mwh);	so với đăng ký đạt:	74,43%
- Thủy điện B12:	641,548 (Mwh);	so với đăng ký đạt:	47,73%
- Thủy điện B13:	327,511 (Mwh);	so với đăng ký đạt:	49,51%
- ĐMTMN	9.232,260 (Mwh);	so với đăng ký đạt:	95,18%
<b>b2. Sản lượng nhận lưới:</b>	8.161,351 (Mwh);	so với đăng ký đạt:	53,94%
- Trạm 110kV ĐNO:	1.307,366 (Mwh);	so với đăng ký đạt:	50,28%
- Trạm 110kV CJU:	1.926,861 (Mwh);	so với đăng ký đạt:	52,08%
- Trạm 110kV ĐMI:	1.367,080 (Mwh);	so với đăng ký đạt:	55,57%
- Trạm 110kV ĐSO:	1.034,428 (Mwh);	so với đăng ký đạt:	44,78%
- Trạm 110kV ĐRL:	265,680 (Mwh);	so với đăng ký đạt:	39,07%
- Trạm 110kV KRN:	277,825 (Mwh);	so với đăng ký đạt:	75,09%
- Trạm 110kV ĐRL2:	748,311 (Mwh);	so với đăng ký đạt:	70,60%
- Trạm 110kV Alumin:	1.233,800 (Mwh);	so với đăng ký đạt:	63,27%
<b>b3. SL phát ngược:</b>	4.598,045 (Mwh);	so với đăng ký đạt:	79,28%
<b>b4. Tổng sản lượng:</b>	15.614,987 (Mwh);	so với đăng ký đạt:	66,72%
<b>b5. Sản lượng tb ngày:</b>	2.260,626 (Mwh);	so với đăng ký đạt:	67,61%

**c. So sánh tình hình phụ tải với tuần trước:**

Stt	Hệ thống điện	Tuần 10/2026	Tuần 09/2026	So sánh (%)
1.	Tổng sản lượng tuần (kWh)	15.824.383	20.174.266	78,44%
2.	Sản lượng tb ngày (kWh)	2.260.626	2.882.038	78,44%
3.	Sản lượng ngày max (kWh)	2.300.927	3.529.432	65,19%
4.	Sản lượng ngày min (kWh)	2.215.145	2.144.304	103,30%
5.	Công suất phụ tải max (MW)	130,2	201,0	64,75%
6.	Công suất phụ tải min (MW)	66,4	60,6	109,48%

**d. Tình hình sa thải phụ tải, tiết giảm công suất trong tuần 10/2026**

Stt	Tiết giảm phụ tải theo	Số lần	Ước tính SL không cung cấp được (kWh)
1.	Tiết giảm phụ tải theo:	0	0
2.	Lệnh A2	0	0
3.	Bảo vệ F81 tác động	0	0
4.	<b>Tổng</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

**e. Mức độ mang tải của các thiết bị trong tuần 10/2026**

Stt	Thiết bị	Tổng ĐD/MBA	Số lượng ĐD/MBA mang tải $\geq 90\%$	Số lần xuất hiện			
				90÷100 [%]	100÷110 [%]	>110 [%]	Tổng
1.	MBA 110kV	13	0	0	0	0	0
2.	ĐD 35kV, 22kV	36	0	0	0	0	0

**f. Chất lượng điện áp:** Điện áp tại các nút đều nằm trong giới hạn cho phép theo TT05/2025/TT-BCT ngày 01/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định hệ thống truyền tải điện, phân phối điện và đo đếm điện năng.

**2. Tình hình sự cố trên lưới phân phối trong tuần 10/2026**

**a. Sự cố mất điện toàn bộ HTĐ.ĐNo do nguồn Quốc gia: 0 (lần)**

**b. Sự cố mất điện một phần HTĐ.ĐNo do nguồn Quốc gia: 0 (lần)**

**c. Sự cố vĩnh cửu theo đối tượng: 0 (lần)**

Đối tượng	Số lần	Tổng SL không cấp được (kWh)
Trên lưới 35kV	0	0
Trên lưới 22kV	0	0
Trên lưới 110kV	0	0
Tại trạm trung gian, trạm nâng	0	0
<b>Tổng</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

**d. Sự cố vĩnh cửu phân theo nguyên nhân: 0 (lần)**

Nguyên nhân	Số lần	Nguyên nhân	Số lần
Do phóng sứ	0	Do sự cố về MC, Recloser, LBS	0
Do đứt dây	0	Do sự cố về FCO, LBFCO, DCL	0
Do đứt lèo	0	Do sự cố tụ bù, TU, TI, tủ hợp bộ	0
Do đứt chì	0	Do tiếp xúc xấu và chạm chập trên lưới	0
Do cây trong, ngoài hành lang tuyến, động vật	0	Do quá tải MBA phân phối	0
Giông sét, gió lốc, thiên tai	0	Hỏng phụ kiện	0
Do hỏng MBA, CSV	0	Sự cố thiết bị khách hàng, lý do khác	0

**e. Sự cố thoáng qua, MC tác động, TĐL không làm việc, ĐH ĐL thành công: 0 (lần)**

<b>Đối tượng</b>	<b>Số lần</b>	<b>Tổng SL không cấp được (kWh)</b>
Trên lưới 35kV	0	0
Trên lưới 22kV	0	0
Trên lưới 110kV	0	0
Tại trạm trung gian, trạm nâng	0	0
<b>Tổng</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

**f. Sự cố thoáng qua, MC tác động, TĐL tác động thành công: 0 (lần)**

<b>Đối tượng</b>	<b>Số lần</b>	<b>Tổng SL không cấp được (kWh)</b>
Trên lưới 35kV	0	0
Trên lưới 22kV	0	0
Trên lưới 110kV	0	0
Tại trạm trung gian, trạm nâng	0	0
<b>Tổng</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

**3. Tình hình phục vụ công tác sửa chữa:**

- a. Theo kế hoạch: 03 lần (Phụ lục 01 đính kèm).
- b. Cắt điện kết hợp: 00 lần (Phụ lục 02 đính kèm).
- c. Cắt điện ngoài kế hoạch: 00 lần (Phụ lục 03 đính kèm).

**4. Một số nhận xét tình hình cung cấp điện lưới phân phối 10/2026**

- a. Hệ thống điện Lâm Đồng (Cơ sở 3) vận hành ổn định.
- b. Tổng sản lượng Lâm Đồng (Cơ sở 3) trong tuần 10/2026 là: 15.824.383 (kWh), bằng 78,44% so với tuần trước.
- c. Sản lượng trung bình ngày tuần 10/2026 đạt: 2.260.626 (kWh)
- d. Sản lượng ngày cao nhất tuần 10/2026 đạt: 2.300.927 (kWh)
- e. Công suất ngày cao nhất tuần 10/2026 đạt: 130,2 (MW)

**II. PHƯƠNG THỨC VẬN HÀNH TUẦN 12/2026:**

**1. Kết dây cơ bản:**

**1.1. Kết dây cơ bản lưới 110kV.**

- a. Trạm 110kV Cư Jút (CJU), Đắc Mil (ĐMI), Đắc Song (ĐSO) nhận điện trực tiếp từ TBA 220kV Đắc Nông và TBA 110kV Hòa Phú thông qua các đường dây 110kV Hòa Phú – Cư Jút và Đắc Song – Đắc Nông/220kV.
- b. Trạm 110kV Đắc Nông (ĐNO) nhận điện trực tiếp từ TBA 220kV Đắc Nông thông

qua đường dây 110kV mạch kép Đắc Nông (ĐNO) – Đắc Nông/220kV.

c. Trạm 110kV Đắc R’Lấp 2 (ĐRL2), Đắc R’Lấp (ĐRL) nhận điện từ TBA 220kV Đắc Nông thông qua đường dây 110kV Đắc Nông/220kV – Alumin Nhân Cơ.

d. Trạm 110kV Krông Nô (KRN) nhận điện từ TBA 220kV NMTĐ Buôn Kuốp thông qua các đường dây 110kV Buôn Kuốp - Krông Nô.

### **1.2. Kết dây cơ bản lưới Trung áp.**

a. Phía 22kV của T1 và T2 (ĐNO) vận hành song song cấp điện cho ĐD470ĐNO, ĐD472ĐNO, ĐD474ĐNO, ĐD475ĐNO, ĐD476ĐNO, ĐD478ĐNO và ĐD481ĐNO; Nguồn B3 hoà song song với nguồn quốc gia thông qua ĐD474ĐNO; Nguồn B4 hoà song song với nguồn Quốc gia thông qua ĐD478ĐNO; Nguồn B5 hoà song song với nguồn Quốc gia thông qua ĐD471ĐNO và ĐD473ĐNO; Nguồn thủy điện B7 hoà song song với nguồn Quốc gia thông qua ĐD471B7; Nguồn B8 hoà song song với nguồn Quốc gia thông qua ĐD471B8 và ĐD476ĐNO. Nguồn B9 hoà song song với nguồn Quốc gia thông qua ĐD475ĐNO; Nguồn B10 hoà song song với nguồn Quốc gia thông qua ĐD471B10 và ĐD470ĐNO.

b. Nguồn B2 hoà song song nguồn Quốc gia thông qua ĐD471B2 cấp điện lên TC C42 (trạm 110kV ĐRL); Nguồn B6 hoà song song với nguồn Quốc gia thông qua ĐD471B6 cấp điện lên TC C42 (trạm 110kV ĐRL) cấp điện cho ĐD472ĐRL, ĐD474ĐRL.

c. Phía 35kV của T1(CJU) cấp điện ĐD371CJU.

d. Phía 22kV của T1(CJU) cấp điện cho ĐD473CJU, ĐD475CJU, ĐD477CJU, ĐD479CJU, ĐD481CJU.

e. Phía 22kV của T2(CJU) cấp điện cho ĐD472CJU, ĐD474CJU, ĐD478CJU, ĐD482CJU.

f. Phía 22kV của T1 và T2 (ĐMI) vận hành song song cấp điện cho ĐD471ĐMI, ĐD473ĐMI, ĐD472ĐMI, ĐD474ĐMI, ĐD476ĐMI và ĐD478ĐMI.

g. Phía 22kV của T1 và T2 (ĐSO) vận hành song song cấp điện cho ĐD471ĐSO, ĐD473ĐSO, ĐD475ĐSO, ĐD474ĐSO, ĐD476ĐSO, ĐD478ĐSO. Nguồn B1 hoà song song với nguồn Quốc gia thông qua ĐD475ĐSO.

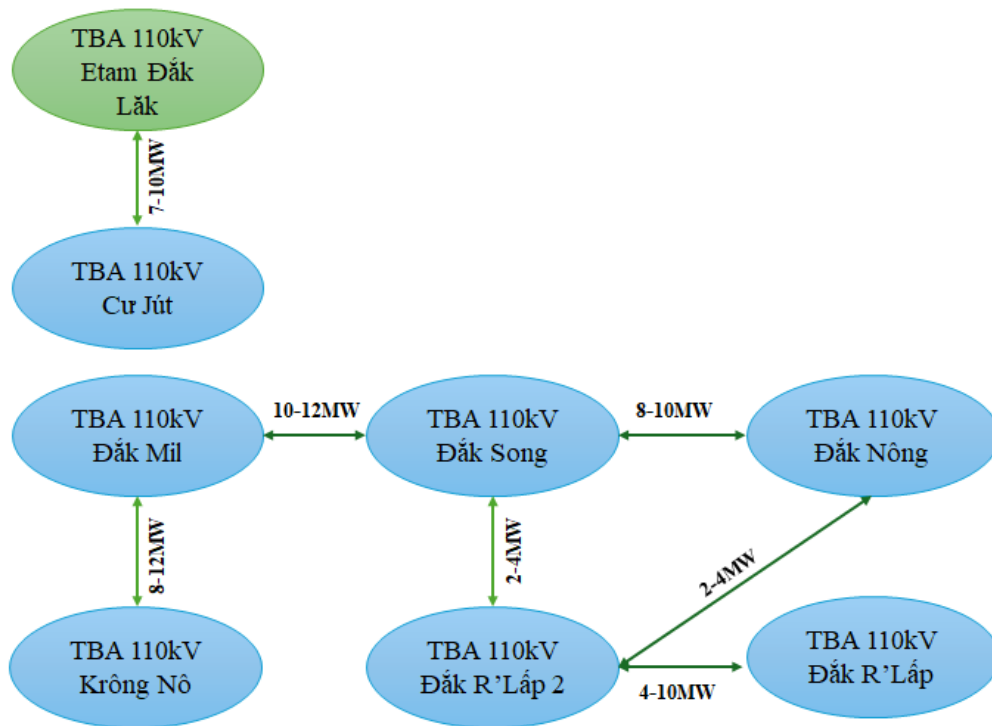
h. Phía 22kV của T1 (ĐRL2), T2 (ĐRL2) cấp điện cho ĐD471ĐRL2, ĐD473ĐRL2, ĐD475ĐRL2, ĐD477ĐRL2 và ĐD479ĐRL2.

i. Phía 22kV của T1 (KRN), T2 (KRN) cấp điện cho ĐD471KRN, ĐD473KRN, ĐD475KRN, ĐD477KRN, ĐD479KRN. Nguồn B11 hoà song song với nguồn Quốc gia thông qua ĐD475KRN; Nguồn B12 hoà song song với nguồn Quốc gia thông qua ĐD471KRN; Nguồn B13 hoà song song với nguồn Quốc gia thông qua XT481KRN.

### **1.3. Kết dây lưới Trung áp trong trường hợp sự cố.**

a. Điều độ viên Lâm Đồng CS3 căn cứ tình hình vận hành thực tế lưới điện đảm bảo chuyên phương thức cấp nguồn linh hoạt giữa các TBA nguồn và các đường dây liên lạc, đảm bảo không bị quá tải đường dây và TBA nguồn trong trường hợp sự cố.

b. Khả năng chuyển tải trung áp giữa các TBA 110kV lưới điện Lâm Đồng (Cơ sở 3):



## 2. Dự kiến phụ tải:

### 2.1. Dự kiến phụ tải tuần:

Ngày	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật	Pmax/Pmin/A tổng
Pmax (MW)	146.3	147.2	140.2	140.4	134.7	133.4	133.5	<b>147.2</b>
Pmin (MW)	75.9	78.2	76.3	74.5	76.9	73.1	69	<b>69</b>
Angày (Tr.kWh)	2,64	2,65	2,54	2,59	2,59	2,59	2,56	<b>18,17</b>

### 2.2. Sản lượng tuần (kWh):

- a. Toàn hệ thống: 17.954.200 (kWh)
- b. Sản lượng phát: 14.074.200 (kWh)
- Thủy điện B1: 36.000 (kWh)
  - Thủy điện B2: 192.500 (kWh)
  - Thủy điện B3: 30.000 (kWh)
  - Thủy điện B4: 45.000 (kWh)
  - Thủy điện B5: 688.500 (kWh)
  - Thủy điện B6: 192.500 (kWh)

- Thủy điện B7:	157.500	(kWh)
- Thủy điện B8:	583.000	(kWh)
- Thủy điện B9:	7.200	(kWh)
- Thủy điện B10:	220.500	(kWh)
- Thủy điện B11:	216.000	(kWh)
- Thủy điện B12:	1.344.000	(kWh)
- Thủy điện B13:	661.500	(kWh)
- ĐMTMN	9.400.000	(kWh)
c. Phát lên hệ thống:	6.040.000	(kWh)
d. Nhận lưới:	9.920.000	(kWh)
- Trạm 110kV ĐNO:	1.610.000	(kWh)
- Trạm 110kV CJU:	2.520.000	(kWh)
- Trạm 110kV ĐMI:	1.700.000	(kWh)
- Trạm 110kV ĐSO:	1.350.000	(kWh)
- Trạm 110kV ĐRL:	90.000	(kWh)
- Trạm 110kV KRN:	950.000	(kWh)
- Trạm 110kV ĐRL2:	280.000	(kWh)
- Trạm 110kV Alumin:	1.420.000	(kWh)

**3. Chế độ vận hành các nguồn điện khác:** Các Nhà máy thủy điện thuộc quyền điều khiển Điều độ viên Lâm Đồng CS3 vận hành theo biểu đồ phát điện tuần đã được phê duyệt.

**4. Đánh giá khả năng đảm bảo cung cấp điện:** Bảo đảm cung cấp điện; Không xảy ra tình trạng thiếu hụt công suất.

**5. Kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa lưới điện:**

**5.1. Kế hoạch công tác trên lưới điện 110kV và trung áp tuần 12/2026:** Phụ lục 4 đính kèm.

**5.2. Lịch cắt điện công tác trên lưới hạ áp tuần 12/2026:** Phụ lục 5 đính kèm.

**5.3. Kế hoạch công tác Hotline trên lưới tuần 12/2026:** Phụ lục 6 đính kèm.

**5.4. Dự kiến kế hoạch công tác trên lưới điện tuần 13/2026:** Phụ lục 7 đính kèm.

**5.5. Kế hoạch công tác kiểm tra định kỳ, phát quang hành lang lưới 110kV tuần 12/2026:** Xí nghiệp Lưới điện cao thế Lâm Đồng thực hiện theo kế hoạch đăng ký tuần [Lưu ý đường dây đang mang điện vận hành].

**6. Dự kiến biểu đồ điện áp tại thanh cái các trạm 110kV tỉnh Lâm Đồng (Cơ sở 3) tuần 12/2026:** Phụ lục 8 đính kèm.

**7. Kế hoạch thử nghiệm, thí nghiệm:** Không có.

**8. Các vấn đề khác liên quan:**

a. Các Đơn vị QLVH căn cứ kế hoạch bố trí cắt điện thông báo mất điện đến khách hàng theo đúng quy định tại Thông tư 04/2025/TT-BCT [Các công tác có mất điện phải lập

lịch OMS (trường hợp có nguyên nhân miễn trừ theo Thông tư trên chương trình OMS phải lập hồ sơ miễn trừ)].

b. Các Đơn vị QLVH tăng cường giám sát, kiểm tra thiết bị, đường dây để kịp thời phát hiện và khắc phục khiếm khuyết, hạn chế tối đa sự cố, đảm bảo cung cấp điện an toàn, tin cậy.

c. Đề hạn chế ảnh hưởng đến việc ngừng, giảm cung cấp điện đến khách hàng, đề nghị các Đơn vị QLVH thực hiện công tác cô lập, khôi phục trả lưới theo đúng thời gian thông báo.

d. Đối với kế hoạch công tác đã bố trí, trước thời điểm thực hiện công tác, các Đơn vị QLVH lưu ý phối hợp với UBND Xã, Phường trong phạm vi quản lý để nắm bắt tình hình đảm bảo cấp điện trên địa bàn (nếu có), [Trường hợp kế hoạch cắt điện nằm trong khu vực có yêu cầu cấp điện, các Đơn vị QLVH lập phương án đảm bảo cấp điện (Có bố trí máy phát dự phòng)].

**9. Lưu ý:** Không./.

***Nơi nhận:***

- SSO (bản fax);
- Sở Công thương tỉnh Lâm Đồng (thay b/cáo);
- Ban Giám đốc Công ty (để chỉ đạo);
- KT, KHVT, AT, ĐT, KD, QLDA;
- XNDVLD;
- VP (Công bố Website PCLĐ);
- NMTĐ B1, B2, B3, B4, B5, B6, B7, B8, B9, B10, B11, B12, B13 (bản fax, mail);
- Lưu: VT, ĐĐ.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Trần Văn Đoan**

**Phụ lục 1: Tình hình phục vụ công tác sửa chữa:**

Stt	Đối tượng cắt điện	Thời gian công tác dự kiến				Đơn vị công tác và nội dung công việc	Thời gian công tác thực tế				A <sub>mất</sub> (kWh)
		Từ		Đến			Từ		Đến		
1.	MBA T2, CS1T2, CS4T2, MC132, MC432/TBA 110kV Đắc R'Lấp	03/03	5:00	05/03	23:30	- Công ty CP đầu tư và phát triển công nghiệp Thịnh Phát: Thi công lắp đặt, lọc dầu, Thay MBA T2-25MVA bằng MBA 40MVA kèm đầy đủ phụ kiện đầu nối. Kéo cáp nhĩ thứ, đầu nối hoàn thiện và thí nghiệm hiệu chỉnh MBA T2 TBA 110kV Đắc R'Lấp. - Xí nghiệp LDCT Lâm Đồng vệ sinh bảo dưỡng MC132, 432; TI132, TI432; CS1T2/Đắc R'Lấp	03/03	5:00	05/03	19:20	0
2.	ĐD476ĐMI (sau DCL400-67)	04/03	7:30	04/03	15:30	Điện lực Đắc Song vệ sinh, bảo dưỡng đường dây trung áp và TBA từ trụ 264/2 đến trụ 264/6(ĐD476ĐMI)	Hoãn công tác				0
3.	ĐD474ĐRL [sau DCL400-129] đến sau DCL400-111(ĐD475ĐRL2)]	06/03	8:00	06/03	15:00	Điện lực Đắc R'Lấp xử lý cột mất an toàn không đảm bảo vận hành tại cột 135/219/3 (ĐD474ĐRL) và kết hợp bảo dưỡng đường dây trung hạ áp và TBA; khoảng cách pha đất mất an toàn; tháo bọc Silicol tại các khoảng cột 135/219/1-135/219/68, khoảng cột 135/219 – 135/269(ĐD474ĐRL), khoảng cột 135/224/1 – 135/224/123(ĐD474ĐRL), khoảng cột 135/260/1 – 135/260/68(ĐD474ĐRL) và các nhánh rẽ. công trình SCL năm 2026	Hoãn công tác				0
4.	ĐD473ĐSO (sau FCO400-110)	07/03	7:30	07/03	15:30	Điện lực Đắc Song vệ sinh, bảo dưỡng đường dây trung áp và TBA từ trụ 430/11/101 đến trụ 430/11/236(ĐD473ĐSO)	07/03	7:37	07/03	13:05	270
5.	ĐD474ĐRL (sau DCL400-10)	07/03	8:00	07/03	15:00	Điện lực Đắc R'Lấp bảo dưỡng đường dây trung áp và TBA, thay sứ phóng, tháo bọc cách điện tại khoảng cột 120/5-120/111 (ĐD474ĐRL) và các nhánh rẽ.	07/03	8:00	07/03	14:30	1300
<b>Tổng</b>											<b>0</b>

**Phụ lục 2: Cắt điện kết hợp:**

Stt	Đối tượng cắt điện	Thời gian công tác dự kiến				Đơn vị công tác và nội dung công việc	Thời gian công tác thực tế				A <sub>mất</sub> (kWh)
		từ		đến			từ		đến		

**Phụ lục 3: Cắt điện ngoài kế hoạch:**

Stt	Đối tượng cắt điện	Thời gian công tác dự kiến	Đơn vị công tác và nội dung công việc	Thời gian công tác thực tế	A <sub>mất</sub>	Độ tin cậy
-----	--------------------	----------------------------	---------------------------------------	----------------------------	------------------	------------

		từ	đến		từ	đến	(kWh)	(SAIDI)
<b>Tổng</b>							<b>0</b>	<b>0,000</b>

**Phụ lục 4: Lịch công tác trên lưới điện 110kV và trung áp tuần 12/2026:**

Stt	Đối tượng cô lập	Thời gian cắt điện				Đơn vị công tác và nội dung công việc	Thời gian công tác				Độ tin cậy (SAIDI)	Ghi chú	ĐV QL VH
		từ	đến	từ	đến								
1.	ĐD473ĐSO (sau LBFCO400-88)	17/03	7:30	17/03	15:30	Điện lực Đắk Song thay công tơ định kỳ tại trụ 430/11/95/5 thuộc hệ thống đo đếm TBA T168(ĐD473ĐSO)	17/03	8:00	17/03	15:00	0,000		ĐLĐS
2.	ĐD472ĐMI (sau LBFCO400-1)	17/03	8:00	17/03	15:00	Điện lực Đắk Mil thay công tơ định kỳ TBA T283, T251(ĐD472ĐMI) hệ thống ĐMT của Công Ty TNHH Điện Lộc Sơn và Công Ty TNHH Điện Đăng Thanh	17/03	8:30	17/03	14:30	0,004		ĐLĐM
3.	ĐD479CJU (sau 479-7/17A-2/13/1/1)	17/03	8:00	17/03	15:00	Công ty TNHH Thiết Bị Điện Quốc Anh thi công lắp xà, sứ và căng 24 mét dây dẫn ACXH-70mm <sup>2</sup> và đầu nối đường dây trung áp XDM tại trụ số 17A-2/13/1/5 (ĐD479CJU) đến đầu vào LFCO của TBA XDM thuộc công trình: Đường dây trung áp 22kV và 01 trạm biến áp 1500kVA - 0,4/22kV cấp điện phục vụ cho Công ty THHH SEJIN F&S VINA, KCN Tâm Thắng, xã Cư Jút, tỉnh Lâm Đồng	17/03	8:30	17/03	14:30	0,002		ĐLCJ
4.	ĐD474ĐRL [sau DCL400-129 đến sau DCL400-111(ĐD475ĐRL2)]	18/03	8:00	18/03	15:00	Điện lực Đắk R'Lấp xử lý cột mắt an toàn không đảm bảo vận hành tại cột 135/219/3 (ĐD474ĐRL) và kết hợp bảo dưỡng đường dây trung hạ áp và TBA; khoảng cách pha đất mắt an toàn ; tháo bọc Silicol tại các khoảng cột 135/219/1-135/219/68, khoảng cột 135/219 – 135/269(ĐD474ĐRL), khoảng cột 135/224/1 – 135/224/123(ĐD474ĐRL), khoảng cột 135/260/1 – 135/260/68(ĐD474ĐRL) và các nhánh rẽ. công trình SCL năm 2026.	18/03	8:30	18/03	14:30	5,668		ĐLĐL

5.	ĐD474ĐRL [sau DCL400-129 đến sau DCL400- 111(ĐD475ĐRL2)]	18/03	8:00	18/03	15:00	Công ty TNHH Phan An Phát thi công trồng xen trụ xử lý mất an toàn tại khoảng trụ 135/224/81 đến trụ 135/224/82(ĐD474ĐRL), thuộc phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc: dự án Cải tạo, nâng cấp cục bộ Tỉnh lộ 5.	18/03	8:30	18/03	14:30	0,000		ĐLĐL
6.	MBA T1, CS1T1, CS4T1; MC 131, 431; TI431; TU4T1/TBA 110kV Đắk Song	18/03	16:00	18/03	20:00	Xí nghiệp LĐCT Lâm Đồng vệ sinh bảo dưỡng MC MBA T1 và CSV đi kèm; MC 131, 431; TI431; TU4T1 tại TBA 110kV Đắk Song	18/03	16:30	18/03	19:30	0,000		XNLD
7.	ĐD474ĐMI (sau FCO400-6)	19/03	7:30	19/03	15:30	Điện lực Đắk Song xử lý mất an toàn do móng trụ bị sạt lở tại trụ 206/49(ĐD474ĐMI) và vệ sinh, bảo dưỡng đường dây trung áp và TBA từ trụ 206/45 đến trụ 206/62(ĐD474ĐMI)	19/03	8:00	19/03	15:00	1,086		ĐLĐS
8.	ĐD474ĐMI (sau FCO400-6)	19/03	7:30	19/03	15:30	Công ty TNHH MTV M&E miền Trung thay sứ nhánh rẽ đường dây trung áp từ trụ 206/5 đến trụ 206/44(ĐD474ĐMI) thuộc công trình SCL năm 2026	19/03	8:00	19/03	15:00	0,000		ĐLĐS
9.	ĐD475ĐSO (sau FCO400-67)	19/03	7:30	19/03	15:30	Điện lực Đắk Song nâng cao khoảng cách pha đất, xử lý mất an toàn tại trụ 244/133(ĐD475ĐSO) và vệ sinh, bảo dưỡng đường dây trung áp và TBA từ trụ 244/85 đến trụ 244/166(ĐD475ĐSO)	19/03	8:00	19/03	15:00	0,012		ĐLĐS
10.	MBA T2, CS1T2, CS4T2; MC 132, 432; TI432; TU4T2/TBA 110kV Đắk Song	19/03	16:00	19/03	20:00	Xí nghiệp LĐCT Lâm Đồng vệ sinh bảo dưỡng MBA T2 và CSV đi kèm; MC 132, 432; TI432; TU4T2/Đắk Song	19/03	16:30	19/03	19:30	0,000		XNLD
11.	ĐD476ĐMI (sau DCL400-67)	20/03	7:30	20/03	15:30	Điện lực Đắk Song vệ sinh, bảo dưỡng đường dây trung áp và TBA từ trụ 264/2 đến trụ 264/6(ĐD476ĐMI)	20/03	8:00	20/03	15:00	0,005		ĐLĐS
12.	ĐD472ĐMI (sau DCL400-191)	20/03	8:00	20/03	15:00	Điện lực Đắk Mil xử lý xà nghiêng mất an toàn theo đề nghị của địa phương tại vị trí cột 223(ĐD472ĐMI), đồng thời kết hợp kiểm tra vệ sinh sứ, bảo dưỡng lèo đường dây tại khoảng	20/03	8:00	20/03	15:00	3,632		ĐLĐM

						cột 145-289, 242/1/242/5/19(ĐD472ĐMI) thuộc công trình SCTX năm 2026							
13.	ĐD472ĐMI (sau DCL400-191)	20/03	8:00	20/03	15:00	Điện lực Đắk Mil lắp TBN-405 tại vị trí cột 220(ĐD472ĐMI) sau sự cố	20/03	8:00	20/03	15:00	0,000		ĐLĐM
14.	ĐD472ĐRL (sau DCL400-99)	20/03	8:00	20/03	15:30	Điện lực Đắk R'Lắp xử lý cột mất an toàn không đảm bảo vận hành tại cột 3/12 (ĐD472ĐRL), chỉnh tuyến đường dây, cải tạo đường dây trung áp, tháo bọc cách điện tại khoảng cột 3/11-3/32 (ĐD472ĐRL). CT SCL năm 2026	20/03	8:30	20/03	15:00	5,776		ĐLĐL
15.	ĐD472ĐRL (sau DCL400-99)	20/03	8:00	20/03	15:30	Điện lực Đắk R'Lắp thay CSV pha A tại TBA T738 (ĐD472ĐRL)	20/03	8:30	20/03	15:00	0,000		ĐLĐL
16.	ĐD472ĐRL (sau DCL400-99)	20/03	8:00	20/03	15:30	Điện lực Đắk R'Lắp lắp đặt LBS, DCL (XDM), tháo bọc cách điện tại cột 3/12/3 (ĐD472ĐRL). CT ĐTXD năm 2026.	20/03	8:30	20/03	15:00	0,000		ĐLĐL
17.	ĐD472ĐRL (sau DCL400-99)	20/03	8:00	20/03	15:30	Điện lực Đắk R'Lắp bảo dưỡng đường dây trung hạ áp, TBA, tháo bọc cách điện tại các khoảng cột 3/50 – 3/151, 3/49/1 – 3/49/17 (ĐD472ĐRL) và các nhánh rẽ.	20/03	8:30	20/03	15:00	0,000		ĐLĐL
18.	ĐD472ĐRL (sau DCL400-99)	20/03	8:00	20/03	15:30	Công ty TNHH MTV M&E miền Trung thay thế sứ 22kV, tháo bọc cách điện tại các khoảng cột 3/12 – 3/49, 3/12/1 – 3/12/2 (ĐD472ĐRL).	20/03	8:30	20/03	15:00	0,000		ĐLĐL
19.	ĐD472ĐRL (sau DCL400-99)	20/03	8:00	20/03	15:30	Xí nghiệp Dịch vụ Điện lực Lâm Đồng thực hiện CBM, TĐNK tại LBS400-6(ĐD472ĐRL)	20/03	8:30	20/03	15:00	0,000		ĐLĐL
20.	ĐD471ĐRL2 (sau DCL400-8 đến trước trụ tách lều 200)	20/03	8:00	20/03	9:00	Đội hotline Xí nghiệp Dịch vụ Điện lực Lâm Đồng tách lều trung áp tại trụ 200 (ĐD471ĐRL2) sau MC471/173 để xử lý bộ MOF tại trụ 177 (ĐD471ĐRL2)	20/03	8:10	20/03	8:50	0,000	- Chuyển ĐD471ĐRL2 (sau trụ tách lều 200) sang nhận điện ĐD477ĐRL2; - Không chế CS HTĐMTMN trong thời gian công tác - Đề nghị ĐLTD có văn bản không chế công suất các	ĐLTD

													HT ĐMTMN trong thời gian công tác không quá 30% CS lắp đặt (~1.78MW)	
21.	ĐD471ĐRL2 (sau DCL400-8 đến trước trụ tách lều 200)	20/03	9:00	20/03	15:00	Xí nghiệp Dịch vụ Điện lực Lâm Đồng xử lý bộ MOF tại trụ 177 (ĐD471ĐRL2) sau DCL400-8 đến trước trụ tách lều 200 (ĐD471ĐRL2)	20/03	9:30	20/03	14:30	0,000		ĐLTĐ	
22.	ĐD471ĐRL2 (sau DCL400-8 đến trước trụ tách lều 200)	20/03	15:00	20/03	16:00	Đội hotline Xí nghiệp Dịch vụ Điện lực Lâm Đồng đấu lại lều trung áp tại trụ 200 (ĐD471ĐRL2) sau MC471/173 sau khi xử lý bộ MOF tại trụ 177(ĐD471ĐRL2) xong	20/03	15:10	20/03	15:50	0,000		ĐLTĐ	
23.	MBA T2, CS1T2, CS4T2; MC 132, 432; DCL 132-3; T1132, 432; TU4T2/Cư Jút	21/03	16:00	21/03	19:00	Xí nghiệp LĐCT Lâm Đồng vệ sinh bảo dưỡng MBA T2 và CSV đi kèm; MC 132, 432; DCL 132-3; T1132, 432; TU4T2/Cư Jút	21/03	16:30	21/03	18:30	0,000	Đề nghị ĐĐDLI chuyển ĐD473CJU, ĐD475CJU về nhận điện Đắc Lắc	XNLD	
<b>Tổng</b>											<b>16,186</b>			

**Phụ lục 5: Lịch cắt điện công tác trên lưới điện hạ áp tuần 12/2026:**

Stt	Đối tượng cô lập	Thời gian cắt điện				Đơn vị công tác và nội dung công việc	Thời gian công tác				Độ tin cậy (SAIDI)	Ghi chú	ĐV QLVH
		từ		đến			từ		đến				
1.	TBA T55(ĐD371CJU)	17/03	8:00	17/03	11:30	Điện lực Đắc Mil thay công tơ định kỳ TBA T55(ĐD371CJU)	17/03	8:00	17/03	11:30	0,001		ĐLĐM
2.	TBA T367(ĐD473ĐMI)	17/03	8:00	17/03	11:30	Điện lực Đắc Mil thay công tơ định kỳ TBA T367(ĐD473ĐMI)	17/03	8:00	17/03	11:30	0,001		ĐLĐM
3.	TBA T116(ĐD371CJU)	17/03	13:00	17/03	16:30	Điện lực Đắc Mil thay công tơ định kỳ TBA T116(ĐD371CJU)	17/03	13:00	17/03	16:30	0,001		ĐLĐM
4.	TBA T143(ĐD371CJU)	17/03	13:00	17/03	16:30	Điện lực Đắc Mil thay công tơ định kỳ TBA T143(ĐD371CJU)	17/03	13:00	17/03	16:30	0,001		ĐLĐM

5.	TBA T30(ĐD475KRN)	18/03	8:00	18/03	14:00	Điện lực Krông Nô vệ sinh bảo dưỡng TBA T30(ĐD475KRN)	18/03	8:00	18/03	14:00	0,476		ĐLKN
6.	TBA T937(ĐD474ĐRL)	18/03	8:00	18/03	15:00	Xí nghiệp Dịch vụ Điện lực Lâm Đồng thực hiện CBM, TNĐK tại TBA T536(ĐD474ĐRL).	18/03	8:30	18/03	14:30	0,297	Kết hợp trung áp	ĐLĐL
7.	TBA T536(ĐD474ĐRL)	18/03	8:00	18/03	15:00	Xí nghiệp Dịch vụ Điện lực Lâm Đồng thực hiện CBM, TNĐK tại TBA T536(ĐD474ĐRL).	18/03	8:30	18/03	14:30	0,000	Kết hợp trung áp	ĐLĐL
8.	TBA T538(ĐD474ĐRL)	18/03	8:00	18/03	15:00	Xí nghiệp Dịch vụ Điện lực Lâm Đồng thực hiện CBM, TNĐK tại TBA T538(ĐD474ĐRL).	18/03	8:30	18/03	14:30	0,000	Kết hợp trung áp	ĐLĐL
9.	TBA T9(ĐD474ĐRL)	18/03	8:00	18/03	15:00	Xí nghiệp Dịch vụ Điện lực Lâm Đồng thực hiện CBM, TNĐK tại TBA T9(ĐD474ĐRL).	18/03	8:30	18/03	14:30	0,000	Kết hợp trung áp	ĐLĐL
10.	TBA T10(ĐD474ĐRL)	18/03	8:00	18/03	15:00	Xí nghiệp Dịch vụ Điện lực Lâm Đồng thực hiện CBM, TNĐK tại TBA T10(ĐD474ĐRL).	18/03	8:30	18/03	14:30	0,000	Kết hợp trung áp	ĐLĐL
11.	TBA T11(ĐD474ĐRL).	18/03	8:00	18/03	15:00	Xí nghiệp Dịch vụ Điện lực Lâm Đồng thực hiện CBM, TNĐK tại TBA T11(ĐD474ĐRL).	18/03	8:30	18/03	14:30	0,000	Kết hợp trung áp	ĐLĐL
12.	TBA T738(ĐD472ĐRL)	20/03	8:00	20/03	15:30	Xí nghiệp Dịch vụ Điện lực Lâm Đồng thực hiện CBM, TNĐK tại TBA T738(ĐD472ĐRL)	20/03	8:30	20/03	15:00	0,000	Kết hợp trung áp	ĐLĐL
13.	TBA T44(ĐD472ĐRL)	20/03	8:00	20/03	15:30	Xí nghiệp Dịch vụ Điện lực Lâm Đồng thực hiện CBM, TNĐK tại TBA T44(ĐD472ĐRL)	20/03	8:30	20/03	15:00	0,000	Kết hợp trung áp	ĐLĐL
14.	TBA T892(ĐD472ĐRL)	20/03	8:00	20/03	15:30	Xí nghiệp Dịch vụ Điện lực Lâm Đồng thực hiện CBM, TNĐK tại TBA T892(ĐD472ĐRL)	20/03	8:30	20/03	15:00	0,000		ĐLĐL
15.	TBA T264(ĐD479KRN)	20/03	8:00	20/03	15:00	Điện lực Krông Nô thay công tơ định kỳ TBA T264(ĐD479KRN)	20/03	8:00	20/03	15:00	0,004		ĐLKN
16.	TBA T229(ĐD471KRN)	20/03	8:00	20/03	15:00	Điện lực Krông Nô thay TI định kỳ TBA T229(ĐD471KRN)	20/03	8:00	20/03	15:00	0,002		ĐLKN
17.	TBA T376(ĐD473ĐMI)	20/03	8:00	20/03	11:30	Điện lực Đắk Mil xử lý cột hạ áp mất an toàn Tại vị trí cột A4/3 TBA T376(ĐD473ĐMI)	20/03	8:00	20/03	11:30	0,200		ĐLĐM
18.	TBA T683(ĐD471ĐSO)	21/03	8:00	21/03	16:00	Công ty TNHH thiết bị điện Đông Nam thi công Di dời trụ điện hạ áp A-8, A-9 thuộc lưới điện hạ áp T683(ĐD471ĐSO) theo đề nghị và chịu chi phí của khách hàng Đinh Thị Hương thuộc thôn 3, xã Tuy Đức, tỉnh Lâm Đồng	21/03	8:00	21/03	16:00	0,613		ĐLTĐ

<b>Tổng</b>	<b>1,155</b>		
-------------	--------------	--	--

**Phụ lục 6: Kế hoạch công tác Hotline trên lưới tuần 12/2026:**

Stt	Đối tượng (Khóa chức năng F79 tự đóng lặp lại và không đóng bằng tay)	Thời gian công tác dự kiến				Đơn vị công tác và nội dung công việc	Thời gian công tác				Ghi chú	ĐV QL VH
		từ		đến			từ		đến			
1.	MC487(ĐD473ĐSO)	20/03	8:00	20/03	17:00	Đội Hotline Xí nghiệp Dịch vụ Điện lực Lâm Đồng thi công lắp xà tại trụ 377/48/8(ĐD473ĐSO); căng dây, đầu nối 15 mét trung áp (XLPE 70mm2) từ trụ 377/48/8(ĐD473ĐSO) đến trụ 377/48/8/1(XDM) có điện đến đầu vào FCO [không đóng FCO XDM] thuộc công trình: Xây dựng đường dây trung áp và TBA 50kVA-22/0,4kV cấp điện phục vụ bơm tưới và sản xuất cho hộ Ông Tổng Văn Hiệp tại thôn Thuận Trung, xã Thuận Hạnh, tỉnh Lâm Đồng	20/03	8:00	20/03	17:00		ĐLĐS

**Phụ lục 7: Dự kiến kế hoạch công tác trên lưới tuần 13/2026:**

Stt	Đối tượng cắt điện	Thời gian cắt điện dự kiến				Đơn vị công tác và nội dung công việc	Thời gian cắt điện thực tế				Amát (kWh)	Ghi chú
		từ		đến			từ		đến			

**Phụ lục 8: Dự kiến biểu đồ điện áp tại thanh cái các trạm 110kV tỉnh Lâm Đồng (Cơ sở 3) tuần 12/2026:**

Trạm	Cấp điện áp	từ	đến	từ	đến	từ	đến	từ	đến	từ	đến	từ	đến	từ	đến	từ	đến
		00h01	05h30	05h31	07h00	07h01	11h00	11h01	12h30	12h31	16h30	16h31	20h00	20h01	22h00	22h01	24h00
CJU	110	118±2		118±2		117±2		117±2		116±2		118±2		116±2		116±2	
	35	36.9	38.2	36.9	38.2	36.6	37.9	36.6	37.9	36.3	37.5	36.9	38.2	36.3	37.5	36.3	37.5
	22	23.2	24.0	23.2	24.0	23.0	23.8	23.0	23.8	22.8	23.6	23.2	24.0	22.8	23.6	22.8	23.6
ĐMI	110	118±2		118±2		117±2		118±2		117±2		118±2		116±2		117±2	
	22	23.2	24.0	23.2	24.0	23.0	23.8	23.2	24.0	23.0	23.8	23.2	24.0	22.8	23.6	23.0	23.8
ĐSO	110	118±2		118±2		118±2		118±2		118±2		118±2		118±2		118±2	
	22	23.2	24.0	23.2	24.0	23.2	24.0	23.2	24.0	23.2	24.0	23.2	24.0	23.2	24.0	23.2	24.0
ĐNO	110	117±2		117±2		118±2		118±2		118±2		118±2		118±2		118±2	
	22	23.0	23.8	23.0	23.8	23.2	24.0	23.2	24.0	23.2	24.0	23.2	24.0	23.2	24.0	23.2	24.0
ĐRL	110	118±2		118±2		118±2		118±2		118±2		118±2		118±2		118±2	
	22	23.2	24.0	23.2	24.0	23.2	24.0	23.2	24.0	23.2	24.0	23.2	24.0	23.2	24.0	23.2	24.0
ĐRL 2	110	118±2		118±2		118±2		118±2		118±2		118±2		118±2		118±2	
	22	23.2	24.0	23.2	24.0	23.2	24.0	23.2	24.0	23.2	24.0	23.2	24.0	23.2	24.0	23.2	24.0
KRN	110	118±2		118±2		115±2		115±2		114±2		117±2		116±2		116±2	
	22	23.2	24.0	23.2	24.0	22.6	23.4	22.6	23.4	22.4	23.2	23.0	23.8	22.8	23.6	22.8	23.6